

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/DS-PT

Ngày 15 tháng 4 năm 2024

V/v: tranh chấp chia di sản thừa kế.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng và Bà Đỗ Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Chương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 02 năm 2024 về việc “tranh chấp chia di sản thừa kế”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DSST, ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2024/QĐ-PT ngày 25/3/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐ-PT ngày 08/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Vũ Thị Q**, sinh năm 1947; nơi cư trú: Thôn G, xã M, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn:* Ông **Vũ Duy Tr**, sinh năm 1961; nơi cư trú: Thôn G, xã M, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1949; nơi cư trú: Thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

3.2. Anh **Lê Thanh H**, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ *, khu 2, phường Hà Tu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

3.3. Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, anh H, chị H: Bà Vũ Thị Q, sinh năm 1947; nơi cư trú: Thôn G, xã M, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

3.4. Bà **Bùi Thị Kim O**, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn Gia Lễ, xã Đông Mỹ, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà O: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn G, xã M, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

3.5. UBND xã Đ, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ: Xã Đ, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Minh T - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã.

(bà Q, ông Tr, chị H có mặt; ông H, anh H, chị H, bà O vắng mặt; ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* *Nguyên đơn - bà Vũ Thị Q trình bày:* Bô bà là cụ Vũ Duy R, sinh năm 1913, chết năm 1970, mẹ là cụ Phạm Thị Th, sinh năm 1925, chết năm 2007. Cụ R và cụ Th sinh được 04 người con, gồm: Bà Vũ Thị B, sinh năm 1943, chết năm 1945, ông Vũ Văn T sinh năm 1944, chết năm 1945, bà Vũ Thị Q, sinh năm 1947, bà Vũ Thị Th, sinh năm 1950, đã chết năm 1992, bà Th có chồng là ông Lê Văn H, bà Th và ông H có hai con chung là anh Lê Thanh H và chị Lê Thị H. Cụ R và cụ Th có một người con nuôi là ông Vũ Duy Tr, trước khi chết hai cụ không để lại di chúc, không cho ai vay và không vay ai tài sản gì.

Di sản thừa kế của cụ R và cụ Th để lại là quyền sử dụng 471,8 m² đất, tại thôn Gia Lễ, xã Đông Mỹ, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, ngoài ra cụ R và cụ Th không còn di sản nào khác. Khi cụ R chết, trên đất có nhà gỗ, bếp sau đó vợ chồng ông Tr phá dỡ xây nhà mái bằng một tầng (bà không nhớ năm xây dựng và diện tích), trồng một số cây cối. Ông Tr xây nhà xong, cụ Th vẫn ở tại nhà bếp, năm 2002 vợ chồng ông Tr dọn ra ở riêng thì cụ Th mới lên ở nhà mái bằng. Cụ Th ăn riêng, bà và các con bà Q lo đầy đủ cho cụ Th, trước khi mất cụ Th có ra nhà ông Tr chơi 20 ngày n H khi ở đó cụ Th phải bỏ tiền ra chi tiêu, ông Tr không nuôi cụ Th được ngày nào. Chi phí làm đám tang cho cụ Th được sử dụng từ tiền của cụ Th bán ruộng, không ai phải bỏ tiền lo liệu.

Quá trình sử dụng, ông Tr chỉ đôn đất để trồng hoa bán, còn lại cụ Th làm và nhờ người. Bà đề nghị Tòa án chia di sản của bố mẹ bà để lại bằng hiện vật, ai cũng

có đất mặt ngõ; bà và chồng, con bà Thủy nhận phần đất trống phía trước nhà ông Tr, đề nghị chia cho ông Tr phần đất có nhà của vợ chồng ông Tr.

**Bị đơn- ông Vũ Duy Tr trình bày:* về quan hệ huyết thống, nuôi dưỡng như bà Q khai, ông là con nuôi của hai cụ từ khi còn nhỏ nên được chính quyền công nhận theo giấy khai sinh của UBND xã Đ

Về di sản cụ R và cụ Th để lại là diện tích đất 471,8 m², tại thôn G, xã Đ, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Trên thửa đất trước đây có nhà gỗ, sau đó ông tháo dỡ làm nhà mái bằng, cụ Th dọn lên ở cùng với vợ chồng ông n H ăn riêng. Khoảng năm 2002 vợ chồng ông ra khu vực gần ngã tư Gia Lễ ở để bán hoa, cụ Th vẫn ở nhà của vợ chồng ông, hàng ngày, vợ chồng ông và các con thay nhau đi về thăm nom, chăm sóc cụ, trước khi mất cụ Th có ra nhà ông chơi 20 ngày. Ông Tr đồng ý chia cho bà Q và bà Th toàn bộ diện tích đất sau nhà, cách móng nhà 50cm ra đến giáp đất nhà bà Vũ Thị H, diện tích đất cụ thể bao nhiêu ông Tr chưa biết, phần đất trước nhà để ông Tr xây nhà thờ.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Tr đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu đối với phần di sản của cụ R vì đã quá 30 năm, giao cho ông quản lý sử dụng phần di sản này. Chia di sản của cụ Th theo quy định của pháp luật. Ông Tr chưa yêu cầu bà Q và chồng, con bà Thủy phải trả tiền làm đường và nộp thuế đất.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ bà Bùi Thị Kim O trình bày:* năm 1989 bà kết hôn với ông Tr và chung sống cùng cụ Phạm Thị Th, khi đó, trên đất có nhà tranh vách đất. Đến năm 1992 vợ chồng bà xây dựng nhà mái ngói, công trình phụ, trồng cây trên đất, sau đó tu sửa nhà thành mái bằng, đổ sân, làm tường dậu, cổng. Trong quá trình vợ chồng bà tạo dựng, tu sửa các tài sản trên đất, do cụ Th đã già yếu nên không có điều kiện để hỗ trợ vợ chồng bà về kinh tế, tất cả các tài sản trên thửa đất đang có tranh chấp là tài sản do vợ chồng bà tạo dựng. Bà không có ý kiến gì về việc chia thừa kế giữa ông Tr và bà Q, nếu Tòa án phân chia thừa kế bằng hiện vật, thì người nào được hưởng phần đất có các tài sản do vợ chồng bà tạo dựng phải có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản cho vợ chồng bà.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn H, anh Lê Thanh H và chị Lê Thị H nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị được hưởng phần di sản bằng hiện vật, ông H và anh H nhường phần di sản của mình được hưởng cho chị H.*

- UBND xã Đông Thọ, thành phố Thái Bình cung cấp:

Theo bản đồ Vlap đo đạc năm 2012, tại thửa đất 129, tờ bản đồ số 02, diện tích đất 575,6m² ghi tên ông Vũ Duy Tr. Trong tổng diện tích 575,6m² đất này, có 471,8m² đất do cụ R, cụ Th để lại và 103,8m² đất là diện tích lấn chiếm bờ sông Salung hiện do UBND xã Đông Thọ quản lý, nằm trong quy hoạch nên diện tích đất này không được xử lý để giao cho người sử dụng đất. Hạn mức đất ở tại địa phương là 400m².

Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DSST ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, đã quyết định:

Áp dụng các Điều 610; 613; 623; 649; 650; 651; 652; khoản 2 Điều 660; Điều 688 của Bộ luật Dân sự; khoản 5 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Q về yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Vũ Duy R và cụ Phạm Thị Th tại thửa đất 129, tờ bản đồ số 4, bản đồ Vlap, diện tích 471,8 m² tại thôn Lam Sơn, xã Đông Thọ, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Di sản thừa kế của cụ Vũ Duy R và cụ Phạm Thị Th để lại gồm:

- Đất ở: 400m² x 6.000.000 đồng/m² = 2.400.000.000 đồng;
 - Đất vườn 71,8 m² x 4.000.000 đồng/m² = 287.200.000 đồng;
- Tổng diện tích 471,8m², giá trị: 2.687.200.000 đồng.

1.1. Chia cho bà Vũ Thị Q phần di sản bằng hiện vật là 162 m² đất, trong đó: 137,5 m² đất ở, giá trị: 825.000.000 đồng và 24,5 m² đất vườn, giá trị: 98.000.000 đồng.

Thửa đất có vị trí, kích thước như sau:

- Phía đông giáp đất ngõ công dài 11,6 m;
- Phía tây giáp diện tích đất lân chiếm dài 12,1 m;
- Phía nam giáp đất chị Hương dài 13,9 m;
- Phía bắc giáp đất chia cho chị H dài 13,4 m.

Bà Q được hưởng 01 cây khế và phần tường dậu trên phần đất được chia.

1.2. Chia cho ông Vũ Duy Tr phần di sản bằng hiện vật là 190 m² đất, trong đó: 142,8 m² đất ở, giá trị: 856.800.000 đồng và 47,2 m² đất vườn, giá trị: 188.800.000 đồng.

Thửa đất có vị trí, kích thước như sau:

- Phía đông giáp đất ngõ công dài 14,1 m;
- Phía tây giáp đất lân chiếm dài 14,3 m;
- Phía nam giáp đất chia cho chị H dài 14,3 m;
- Phía bắc giáp đất bà Huệ dài 13,6 m;

Trên phần đất ông Vũ Duy Tr được chia có tài sản thuộc sở hữu của ông Tr, bà O gồm: Nhà, các công trình xây dựng, cây cối.

Ông Vũ Duy Tr phải thanh toán cho chị Lê Thị H số tiền chênh lệch giá trị di sản sau khi đã đối trừ là: 117.075.000 đồng.

1.3. Chia cho chị Lê Thị H phần di sản bằng hiện vật là 119,8m² đất ở, giá trị: 718.800.000 đồng.

Thửa đất có vị trí, kích thước như sau:

- Phía đông giáp đất chia ngõ công dài 8,7 m;
- Phía tây giáp đất lần chiếm dài 9,2 m;
- Phía nam giáp đất chia cho bà Q dài 13,4 m;
- Phía bắc giáp đất chia cho ông Tr dài 13,4 m;

Chị H được hưởng số tiền ông Tr thanh toán chênh lệch giá trị di sản sau khi đã đối trừ: 117.075.000 đồng, được hưởng 01 cây nhãn, được sử dụng diện tích sân, cổng, một phần dậu trên diện tích đất được chia.

(Diện tích các thửa đất có sơ đồ kèm theo Bản án).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong đơn kháng cáo ngày 26/10/2023 và các đơn kháng cáo bổ sung, ông Vũ Duy Tr đề nghị Toà án phúc thẩm giải quyết các nội dung sau:

+ Vợ chồng ông có công sức tôn tạo di sản thừa kế của cụ R và cụ Th, công sức chăm sóc cụ Th nên Toà án sơ thẩm chia di sản thừa kế cho ông bằng các đồng thừa kế khác là không công bằng;

+ Yêu cầu chia toàn bộ phần di sản chị H được hưởng bằng hiện vật, vì ông không có điều kiện kinh tế để thanh toán giá trị chênh lệch;

+ Yêu cầu Toà án áp dụng thời hiệu đối với phần di sản của cụ Vũ Duy R.

+ Xác định trong tổng diện tích 478,1m² đất là di sản chỉ có 360m² là đất thổ cư theo đúng diện tích ông nộp thuế mà không phải là 400m²;

+ Yêu cầu bà Q, chị H trả lại cho ông tiền làm đường, tiền thuê đất ông đã nộp và tiền lãi của tiền thuê đất ông đã nộp từ năm 1998 đến nay tương ứng với diện tích đất bà Q và chị H được chia.

Ngày 23/02/2024 ông Vũ Duy Tr rút kháng cáo đối với yêu cầu xem xét công sức tôn tạo đất vì phần đất vợ chồng ông tôn tạo đã được Nhà nước lấy ra giao cho người khác, rút yêu cầu bà Q, chị H phải trả tiền làm đường, tiền thuê đất.

Tại phiên toà phúc thẩm: ông Vũ Duy Tr rút kháng cáo đối với yêu cầu xác định diện tích đất ở chỉ có 360m² và trình bày: cụ R chết năm 1970, ngày 28/9/2022 bà Q khởi kiện chia thừa kế nên xác định thời hiệu chia di sản thừa kế của cụ R đã quá 30 năm. Cụ Th ăn riêng, tự lo các sinh hoạt hàng ngày n H gia đình ông vẫn thường xuyên đi về trông nom, chăm sóc cụ Th song chỉ được hưởng phần di sản thừa kế bằng bà Q và chị H là không công bằng. Ông không có tiền để thanh toán giá trị phần di sản chị H được hưởng còn thiếu, đề nghị chia toàn bộ di sản chị H được hưởng bằng hiện vật, nếu phần chị H được chia có tài sản vợ chồng ông đã xây dựng thì thanh toán giá trị tài sản cho vợ chồng ông.

Bà Vũ Thị Q là bị đơn đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của ông H,

anh H, chị H không nhất trí với kháng cáo của ông Tr, vì bà cũng có công chăm sóc cụ Th, cụ Th chỉ ốm hai lần phải nhập viện, bà ở gần cũng rất có trách nhiệm, mặt khác theo bà được biết có những người con xa quê không có điều kiện chăm sóc bố mẹ cũng được hưởng thừa kế như nhau. Bà và chị H không có nguyện vọng được chia phần đất có tài sản do vợ chồng ông Tr xây dựng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu: kháng cáo của ông Vũ Duy Tr làm và gửi trong thời hạn luật định. Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung, đề nghị: căn cứ khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các yêu cầu kháng cáo của ông Tr đã rút. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận các yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Duy Tr, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: kháng cáo của ông Vũ Duy Tr làm trong hạn luật định nên được đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt n H người đại diện theo ủy quyền của họ có mặt tại phiên tòa nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Ngày 23/02/2024 ông Vũ Duy Tr rút kháng cáo đối với yêu cầu xem xét công sức tôn tạo đất và yêu cầu bà Q, chị H phải trả tiền làm đường, tiền thuê đất. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Tr rút kháng cáo đối với yêu cầu xác định hạn mức đất ở chỉ có 360 m², căn cứ vào khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các yêu cầu kháng cáo trên.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Duy Tr thấy:

[4.1] Về thời hiệu chia di sản thừa kế: Theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định : “1. Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. Hết thời hạn này thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó”.

Theo quy định của Nghị quyết 58/1998/NQ-UBTHVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 20/8/1998 về giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 01/7/1991:

Điều 1. Nguyên tắc giải quyết các giao dịch dân sự về nhà ở thuộc sở hữu tư nhân được xác lập trước ngày 1 tháng 7 năm 1991 (ngày Pháp lệnh nhà ở năm 1991 có hiệu lực) được giải quyết theo quy định của Nghị quyết này;

Điều 2. Phạm vi áp dụng

1. Nghị quyết này được áp dụng đối với các giao dịch dân sự về nhà ở đang thuộc sở hữu tư nhân được xác lập trước ngày 01 tháng 7 năm 1991 giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với cơ quan, tổ chức, bao gồm:

a) ...

...

e) Thừa kế nhà ở;”

Điều 17. Áp dụng các quy định của Nghị quyết để giải quyết các tranh chấp phát sinh từ giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 01 tháng 7 năm 1991

1. ...

2. Thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 1996 đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực không tính vào thời hiệu trong thủ tục giải quyết các vụ án dân sự đối với giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 01 tháng 7 năm 1991.

Theo hướng dẫn tại công văn số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao giải đáp một số vấn đề về nghiệp vụ, thì thời hiệu khởi kiện đối với bất động sản được tính 30 năm kể từ ngày 10/9/1990 và “*Khi xác định thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế mà thời điểm mở thừa kế trước ngày 01-7-1991 và di sản là nhà ở thì thời gian từ ngày 01-7-1996 đến ngày 01-01-1999 không tính vào thời hiệu khởi kiện đối với trường hợp thừa kế không có người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia*”.

Các đương sự đều thừa nhận, tại thời điểm mở thừa kế của cụ R, trên đất có tài sản là nhà, bếp. Do vậy thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ R được tính là 32 năm 06 tháng, kể từ ngày 10/9/1990. Ngày 28/9/2022 bà Q gửi đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ R và cụ Th, do vậy mà thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản của cụ R vẫn còn theo các quy định viện dẫn nêu trên.

[4.2] Về hàng thừa kế: các đương sự đều thống nhất về diện và hàng thừa kế được hưởng di sản của cụ R và cụ Th, gồm bà Q, ông Tr, bà Thủy.

Cụ Vũ Duy R chết năm 1970, hàng thừa kế thứ nhất có 04 người, gồm: cụ Th, bà Q, bà Thủy và ông Tr, mỗi người được hưởng một suất thừa kế. Năm 1992 bà Thủy chết nên cụ Th, ông H, anh H và chị H được hưởng suất thừa kế của bà Thủy theo Điều 651 Bộ luật Dân sự.

Cụ Phạm Thị Th chết năm 2007, hàng thừa kế thứ nhất, gồm: bà Q, ông Tr, anh H và chị H được hưởng suất của bà Thủy theo Điều 652 Bộ luật Dân sự.

[4.3] Về quyền hưởng di sản: do cụ R và cụ Th chết không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ tài chính, các thừa kế không yêu cầu giải quyết đối với số tiền mai tang phí nên toàn bộ di sản sẽ chia đều, mỗi người ở hàng thừa kế thứ nhất được hưởng một suất bằng nhau theo quy định tại Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự. Ông Tr cho rằng ông là người có công chăm sóc cụ Th n H chỉ được hưởng 1 suất thừa kế như các đồng thừa kế khác là không công bằng, tuy nhiên ông và bà Q đều thừa nhận cụ Th và gia đình ông ăn riêng, ở riêng, cụ Th tự lo các sinh hoạt hàng ngày, nên việc đi lại, thăm nom cha mẹ là trách nhiệm, đạo lý của người làm con, việc Toà án cấp sơ thẩm chia cho ông Tr được hưởng một suất thừa kế bằng các đồng thừa kế khác là đúng quy định của pháp luật.

[4.4] Về phân chia di sản:

[4.4.1] Di sản của cụ R: 1/2 tài sản chung của hai cụ gồm: 200 m² đất ở và 35,9 m² đất trồng cây lâu năm chia đều cho 4 suất, mỗi suất thừa kế được 50m² đất ở và 8,975m² đất vườn.

[4.4.2] Di sản của cụ Th: 1/2 tài sản chung của hai cụ + suất cụ Th được hưởng thừa kế của cụ R + ¼ suất cụ Th được hưởng thừa kế của bà Thủy: đất ở (200m² + 50m² + 12,5m²) : 3 suất = 87,5m²/ suất; đất vườn (35,9 m² + 8,975 m² + 2,24375 m²): 3 suất = 15,70625 m²/ suất.

[4.4.3] Bà Q, ông Tr được hưởng di sản của cụ R và cụ Th như sau: Diện tích đất ở: 50m² + 87,5 m² = 137,5 m²/ suất, giá trị: 825.000.000 đồng/ suất.

Diện tích đất vườn: 8,975 m² + 15,70625 m² = 24,68125 m² (làm tròn 25m²) / suất giá trị 98.725.000 đồng/ suất. Tổng diện tích đất ông Tr, bà Q mỗi người được hưởng 162,18125 m² có giá trị 923.725.000 đồng.

[4.4.4] Do ông H và anh H nhường phần di sản của mình được hưởng cho chị H nên chị H được chia phần di sản như sau: đất ở 37,5 m² (50 m² : 4) x 3 (thừa kế của cụ R) + 87,5 m² (thừa kế của cụ Th) = 125 m²; đất vườn (8,975m²: 4) x 3 (thừa kế của cụ R) + 15,70625 m² = 22,4375 m², tổng diện tích đất chị H được hưởng 147,4375 m², giá trị 839.750.000 đồng.

[4.5] Chia di sản bằng hiện vật: di sản là quyền sử dụng 471,8m² đất trong đó có 400 m² đất ở và 71,8 m² đất vườn, tại thôn Gia Lễ, xã Đông Mỹ, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Ông Tr không đồng ý Toà án sơ thẩm chia cho ông phần đất nhiều hơn các đồng thừa kế khác và buộc ông phải thanh toán giá trị phần di sản chênh lệch cho chị H, tại phiên toà phúc thẩm bà Q trình bày bà và chị H không có nhu cầu sử dụng các tài sản trên đất do vợ chồng ông Tr xây dựng, xét thấy bà Q và chị H đều đã có

gia đình và chỗ ở riêng nên Toà án sơ thẩm chia cho ông Tr toàn bộ diện tích đất có tài sản do vợ chồng ông tạo dựng là phù hợp, đảm bảo công năng sử dụng của các công trình, ông Q có trách nhiệm thanh toán chênh lệch cho chị H là đúng. Do vậy không chấp nhận kháng cáo của ông Tr về việc chia toàn bộ phần di sản chị H được hưởng bằng hiện vật để ông không phải thanh toán giá trị chênh lệch.

[4.6] Từ những phân tích nêu trên, HĐXX phúc thẩm thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Duy Tr, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DSST ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

[5] Về án phí phúc thẩm: ông Tr là người cao tuổi, có đơn xin miễn nên được miễn án phí phúc thẩm.

[6] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Duy Tr, về việc: xem xét công sức tôn tạo đất, yêu cầu bà Q, chị H phải trả tiền làm đường, tiền thuế đất, yêu cầu xác định hạn mức đất ở chỉ có 360 m².

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Duy Tr, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DSST ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

2.1 Áp dụng các Điều 610; 613; 623; 649; 650; 651; 652; khoản 2 Điều 660; Điều 688 của Bộ luật Dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2.2 Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Q về yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Vũ Duy R và cụ Phạm Thị Th.

2.3 Xác định di sản thừa kế của cụ Vũ Duy R và cụ Phạm Thị Th là quyền sử dụng 471,8 m² đất, trong đó có 400m² đất ở và 71,8m² đất vườn tại thửa đất 129, tờ bản đồ số 4, bản đồ Vlap thôn Lam Sơn, xã Đông Thọ, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

2.5 Chia cho bà Vũ Thị Q được quyền sử dụng 162 m² đất, trong đó có 137,5 m² đất ở và 24,5 m² đất vườn, có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ngõ công dài 11,6 m; Phía Tây giáp diện tích đất lấn chiếm dài 12,1 m; Phía Nam giáp đất chị Hương dài 13,9 m; Phía Bắc giáp đất chia cho chị H dài 13,4 m, (có sơ đồ kèm theo).

Đối với diện tích đất còn thiếu so với phần di sản được chia, bà Q không yêu cầu thanh toán giá trị. Bà Q được quyền sở hữu 01 cây khế có giá 1.300.000 đồng và 01 phần tường dậu có giá 1.800.000 đồng, n H có trách nhiệm thanh toán giá trị các tài sản trên cho ông Tr và bà O, tổng là 3.100.000 (ba triệu một trăm nghìn) đồng.

2.6 Chia cho ông Vũ Duy Tr được quyền sử dụng 190 m² đất, trong đó có 142,8 m² đất ở và 47,2 m² đất vườn, đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ngõ công dài 14,1 m; Phía Tây giáp đất lân chiếm dài 14,3 m; Phía Nam giáp đất chia cho chị H dài 14,3 m; Phía Bắc giáp đất bà Huệ dài 13,4 m, (có sơ đồ kèm theo). Ông Tr và bà O được sở hữu các tài sản do ông bà xây dựng trên đất được chia.

Ông Tr có trách nhiệm thanh toán cho chị H giá trị quyền sử dụng đất vượt quá so với kỹ phân được hưởng là 121.875.000 (một trăm hai mươi một triệu tám trăm bảy mươi năm nghìn) đồng.

2.7 Chia cho chị Lê Thị H được quyền sử dụng 119,8m² đất ở, đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ngõ công dài 8,7 m; Phía Tây giáp đất lân chiếm dài 9,2 m; Phía Nam giáp đất chia cho bà Q dài 13,4 m; Phía Bắc giáp đất chia cho ông Tr dài 13,4 m, (có sơ đồ kèm theo). Chị H được sở hữu diện tích sân giá trị 1.500.000 đồng, 01 phần tường dậu, công giá trị 2.000.000 đồng, 01 cây nhãn giá trị 1.300.000 đồng, n H phải thanh toán giá trị các tài sản trên cho ông Tr và bà O, tổng 4.800.000 (bốn triệu tám trăm nghìn) đồng.

3. Về án phí phúc thẩm: ông Vũ Duy Tr được miễn án phí dân sự phúc thẩm, trả lại ông Vũ Duy Tr 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001113 ngày 02/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

4. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền phải thi hành án thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự trên số tiền chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 15/4/2024.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND tỉnh Thái Bình;
- Tòa án, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ